

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chau Thị Thu Thủy;

Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1993, nơi cư trú: Số 254, tổ 3, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 02 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn ông Lương Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:* Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thanh T quen biết được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/HT/2012, quyền số 01/2011. Từ khi cưới nhau thì vợ chồng cùng đi làm công nhân, nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, không còn hợp tính nhau, dẫn đến vợ chồng không còn sống chung hơn 01 năm nay, nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có một (01) con chung Lương Chí H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011. Ông Lương Văn Đ yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Thanh T đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị Thanh T có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng của ông Đ, bà T xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cả hai không còn sống chung hơn 01 năm nay, phù hợp theo biên bản xác minh tại ấp Phú Cường, xã A cho biết “bà T hiện nay sống chung với bà ngoại...”, điều đó chứng minh đời sống hôn nhân đã rơi vào trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Có một (01) con chung Lương Chí H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011. Anh Đ yêu cầu được quyền nuôi con chung, cháu H cũng có nguyện vọng được sống với cha, do đó tiếp tục giao con chung cho anh Đ nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Ban ấp P, xã A về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của bà Trần Thị Thanh T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lương Văn Đ vẫn giữ ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Trần Thị Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/HT/2012, quyền số 01/2011, ngày 18/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng cùng đi làm công nhân, cả hai đã xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ hơn một năm nay, điều này phù hợp theo biên bản xác minh tại Ban ấp P ngày 14/7/2020 cho biết “...bà Trần Thị Thanh T sống chung với bà ngoại tại ấp P, xã A, huyện T Hiện nay chị T đã bỏ anh Lương Văn Đ và con...”. Như vậy, giữa ông Đ và bà T không còn chung sống với nhau, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, do đó có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Về con chung: Có một (01) con chung Lương Chí H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011. Cháu H tại thời điểm xét xử đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng được sống với cha, ý kiến này phù hợp với yêu cầu của ông Đ, nên giao cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu, nên không xem xét về chi phí cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Ông Lương Văn Đ khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 80, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Lương Văn Đ đối với bà Trần Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/HT/2012, quyển số 01/2011, ngày 18/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có một (01) con chung Lương Chí H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011.

2.1. Giao con chung Lương Chí H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011 cho ông Lương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Bà Trần Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lương Văn Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Trần Thị Thanh T bên quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lương Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009190 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông Lương Văn Đ đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Chi cục THADS h.T;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã A;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ